

ĐẾN

Số: 28183

Ngày: 04.8.2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP
ĐOÀN VINH HOÀNG LAND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41 /CV-VH.LAND

Vinh, ngày 04 tháng 08 năm 2026

V/v đề nghị công khai thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký và giá bán công trình Nhà ở xã hội 16 tầng nổi và 01 tầng hầm thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An).

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An

Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Vĩnh Hoàng Land là Nhà đầu tư thực hiện dự án Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An) được UBND Tỉnh Nghệ An chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 26/04/2022 (điều chỉnh lần thứ nhất ngày 14/11/2025 tại Quyết định số 115/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Nghệ An).

Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Vĩnh Hoàng Land kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Nghệ An công khai thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký và giá bán nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An) với thông tin cụ thể như sau:

1. Tên dự án, công trình: Công trình Nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An).

2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Vĩnh Hoàng Land.

3. Địa chỉ trụ sở: Nhà 03 khu liên kề đường Nguyễn Viết Phú, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An;

4. Địa điểm xây dựng dự án: Phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An.

5. Số lượng căn hộ nhà ở xã hội để bán:

- Số căn hộ để bán: 204 căn hộ nhà ở xã hội;

- Diện tích căn hộ: từ 60,42m² đến 69,35m²

6. Giá bán nhà ở xã hội:

Giá bán căn hộ NOXH: Từ 24.473.065 đồng/m² đến 26.461.106 đồng/m² (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và chưa bao gồm kinh phí bảo trì). Giá bán cụ thể từng căn hộ theo phụ lục đính kèm theo Quyết định số 36/QĐ-VH.LAND ngày 24/7/2026 của Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Vĩnh Hoàng Land về việc



phê duyệt giá bán Nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An).

7. Thời gian bắt đầu và kết thúc nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký: Từ ngày 07/9/2026.
- Thời gian kết thúc nhận đơn đăng ký: Hết ngày 07/10/2026
- Thời gian làm việc: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 (không bao gồm ngày lễ);
- Số điện thoại liên hệ: 0343.351.659;
- Hình thức nộp hồ sơ đăng ký: Nộp hồ sơ trực tiếp tại địa chỉ trụ sở chính công ty: Nhà 03 khu liên kề đường Nguyễn Viết Phú, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An;

Trên đây là thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký và giá bán nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An). Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Vĩnh Hoàng Land kính đề nghị Sở xây dựng Nghệ An công bố công khai các thông tin để người dân được biết, chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Gửi hồ sơ kèm theo gồm có:

- Thuyết minh phương án giá bán;
- Báo cáo thẩm tra giá bán số 240726.01/TV-BCTT ngày 24/7/2026;
- Quyết định phê duyệt giá bán số 36/QĐ-UBND ngày 24/7/2026.

(Công văn này thay thế cho công văn số 40/CV-VH.LAND ngày 28/7/2026 của Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Vĩnh Hoàng Land)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT



Trần Minh Sơn

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá bán: Nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TẬP ĐOÀN VĨNH HOÀNG LAND

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ban hành ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/05/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/05/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Nhà ở, Kinh doanh Bất động sản;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 56/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; số 54/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 về việc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án; số 115/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Vinh: số 1271/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; số 7623/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu nhà ở Mỹ Thượng tại phường Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;



Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VH.LAND ngày 25/01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Vĩnh Hoàng Land về việc phê duyệt dự án Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An);

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-VH.LAND ngày 14/03/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Vĩnh Hoàng Land về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An);

Căn cứ Quyết định số 03A/QĐ-VH.LAND ngày 15/03/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Vĩnh Hoàng Land về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: Nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An);

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 240726.01/TV-BCTT ngày 24/07/2026 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Tân Việt về việc thẩm tra giá bán nhà ở xã hội công trình: Nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá bán nhà ở xã hội công trình: Nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An) cụ thể như sau:

Giá bán bình quân 1m² sử dụng căn hộ là: **25.145.968 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng chẵn) (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Trong đó, giá bán các nhóm căn hộ như sau:

+ **Nhóm 1** (Các căn hộ số 01 - tầng 2 đến tầng 16) = **24.473.065 đồng**

+ **Nhóm 2** (Các căn hộ số 02, 04, 08 và 10 - tầng 3 đến tầng 16; Căn hộ số 02, 04 - tầng 2) = **24.734.080 đồng**

+ **Nhóm 3** (Các căn hộ số 03, 05, 09 và 11 - tầng 2 đến tầng 16) = **25.206.573 đồng**

+ **Nhóm 4** (Các căn hộ số 06, 07, 12 và 13 - tầng 3 đến tầng 16; Căn hộ số 06, 07, 13 tầng 2) = **25.396.677 đồng**

+ **Nhóm 5** (Các căn hộ tầng 1) = **26.461.106 đồng**

(Chi tiết giá bán các căn hộ theo Phụ lục 01 đính kèm)

Điều 2. Giao Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban liên quan điều hành tổ chức các công tác liên quan đến việc cung cấp thông tin văn bản đến cơ quan ban ngành, các thủ tục công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Sơn



PHỤ LỤC 1: Danh sách các căn hộ chung cư xã hội đủ điều kiện được bán nhà ở hình thành trong tương lai công trình: Nhà ở xã hội 16 tầng thuộc dự án: Khu nhà ở Mỹ Thượng tại xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (nay là phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An)

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ- VH.LAND ngày 24/7/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Vĩnh Hoàng Land)

STT	Tầng	Ký hiệu căn	Diện tích	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)	Thành tiền
1	1	CH:A-01	68,26	Nhóm 5	26.461.106	1.806.235.076
2	1	CH:A-02	60,42	Nhóm 5	26.461.106	1.598.780.007
3	1	CH:A-03	60,42	Nhóm 5	26.461.106	1.598.780.007
4	1	CH:A-04	60,42	Nhóm 5	26.461.106	1.598.780.007
5	1	CH:A-05	60,42	Nhóm 5	26.461.106	1.598.780.007
6	1	CH:A-06	68,26	Nhóm 5	26.461.106	1.806.235.076
7	1	CH:A-07	69,35	Nhóm 5	26.461.106	1.835.077.681
8	1	CH:A-08	63,58	Nhóm 5	26.461.106	1.682.397.101
9	1	CH:A-09	63,58	Nhóm 5	26.461.106	1.682.397.101
10	1	CH:A-10	63,58	Nhóm 5	26.461.106	1.682.397.101
11	1	CH:A-11	63,58	Nhóm 5	26.461.106	1.682.397.101
12	1	CH:A-12	68,4	Nhóm 5	26.461.106	1.809.939.630
13	2	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
14	2	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
15	2	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
16	2	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
17	2	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
18	2	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
19	2	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
20	2	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
21	2	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
22	2	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
23	3	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
24	3	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
25	3	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
26	3	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
27	3	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
28	3	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
29	3	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
30	3	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
31	3	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
32	3	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
33	3	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
34	3	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
35	3	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341

STT	Tầng	Ký hiệu căn	Diện tích	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)	Thành tiền
36	4	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
37	4	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
38	4	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
39	4	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
40	4	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
41	4	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
42	4	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
43	4	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
44	4	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
45	4	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
46	4	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
47	4	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
48	4	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
49	5	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
50	5	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
51	5	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
52	5	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
53	5	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
54	5	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
55	5	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
56	5	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
57	5	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
58	5	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
59	5	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
60	5	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
61	5	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
62	6	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
63	6	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
64	6	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
65	6	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
66	6	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
67	6	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
68	6	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
69	6	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
70	6	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
71	6	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
72	6	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
73	6	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
74	6	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
75	7	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
76	7	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
77	7	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
78	7	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001

STT	Tầng	Ký hiệu căn	Diện tích	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)	Thành tiền
79	7	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
80	7	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
81	7	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
82	7	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
83	7	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
84	7	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
85	7	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
86	7	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
87	7	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
88	8	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
89	8	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
90	8	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
91	8	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
92	8	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
93	8	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
94	8	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
95	8	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
96	8	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
97	8	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
98	8	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
99	8	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
100	8	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
101	9	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
102	9	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
103	9	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
104	9	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
105	9	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
106	9	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
107	9	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
108	9	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
109	9	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
110	9	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
111	9	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
112	9	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
113	9	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
114	10	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
115	10	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
116	10	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
117	10	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
118	10	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
119	10	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
120	10	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
121	10	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001

30213
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 TƯ NHÂN
 HỮU NGHỊ
 LAN

STT	Tầng	Ký hiệu căn	Diện tích	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m2)	Thành tiền
122	10	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
123	10	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
124	10	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
125	10	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
126	10	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
127	11	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
128	11	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
129	11	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
130	11	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
131	11	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
132	11	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
133	11	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
134	11	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
135	11	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
136	11	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
137	11	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
138	11	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
139	11	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
140	12	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
141	12	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
142	12	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
143	12	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
144	12	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
145	12	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
146	12	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
147	12	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
148	12	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
149	12	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
150	12	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
151	12	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
152	12	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
153	13	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
154	13	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
155	13	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
156	13	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
157	13	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
158	13	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
159	13	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
160	13	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
161	13	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
162	13	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
163	13	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
164	13	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341

STT	Tầng	Ký hiệu căn	Diện tích	Nhóm căn hộ	Giá bán (đồng/m ²)	Thành tiền
165	13	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
166	14	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
167	14	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
168	14	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
169	14	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
170	14	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
171	14	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
172	14	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
173	14	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
174	14	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
175	14	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
176	14	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
177	14	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
178	14	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
179	15	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
180	15	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
181	15	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
182	15	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
183	15	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
184	15	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
185	15	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
186	15	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
187	15	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
188	15	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
189	15	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
190	15	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
191	15	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
192	16	CH-01	67,5	Nhóm 1	24.473.065	1.651.931.902
193	16	CH-02	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
194	16	CH-03	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
195	16	CH-04	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
196	16	CH-05	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
197	16	CH-06	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
198	16	CH-07	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
199	16	CH-08	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
200	16	CH-09	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
201	16	CH-10	64,7	Nhóm 2	24.734.080	1.600.295.001
202	16	CH-11	61,3	Nhóm 3	25.206.573	1.545.162.937
203	16	CH-12	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
204	16	CH-13	67	Nhóm 4	25.396.677	1.701.577.341
Tổng cộng			13.166,37			331.081.123.841